3.4 Tỷ lệ thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp được tính cho dân số trong độ tuổi lao động, tức gồm những người từ 15-59 tuổi đối với nam và 15-54 tuổi đối với nữ.

3.4 Unemployment rate

The unemployment rate was calculated for the working age population that referred to males aged 15 to 59 and females aged 15 to 54.

HÌNH (FIGURE) 3.5:

TỶ LỆ PHẦN TRĂM THẤT NGHIỆP CỦA LAO ĐỘNG TRONG ĐỘ TUỔI KHU VỰC THÀNH THỊ CỦA CẢ NƯỚC VÀ CÁC VÙNG, 2008

UNEMPLOYMENT RATE (PERCENTAGE) OF LABOUR FORCE IN WORKING AGE IN URBAN AREA BY REGION AND WHOLE COUNTRY, 2008

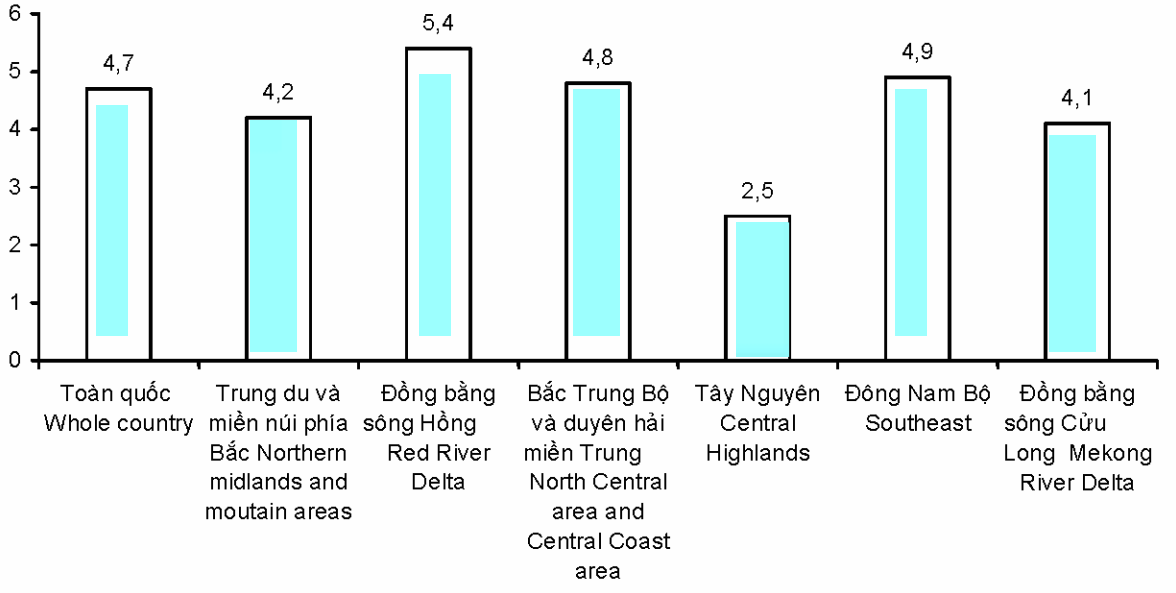

Hình 3.5 cho thấy sự khác biệt về tỷ lệ thất nghiệp giữa các vùng. Năm 2008, Đồng bằng sông Hồng vẫn là vùng có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất (5,4%), tiếp đến là Đông Nam bộ (4,9%) và Bắc Trung bộ và Duyên Hải miền Trung (4,8%). Đây là những vùng có tỷ lệ dân số thành thị cao. Tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất là ở vùng Tây Nguyên (2,5%), tiếp đến là Đồng bằng sông Cửu Long (4,1%) và Trung du và miền núi phía Bắc (4,2%).

Figure 3.5 shows the differential in the unemployment rate among regions. In 2008, Red River Delta was still the region with the highest unemployment rate (5.4%), followed by the Southeast (4.9%) and the North Central and South Central Coast (4.8%). These are the regions with a large proportion of urban population. The lowest unemployment rate was for the Central Highlands (2.5%), followed by the Mekong River Delta and the Northern Midlands and Uplands (4.1% and 4.2%, respectively).

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor